



xiǎo qì chē

小汽车

noun · car; sedan

Example Sentences

Tā kāi le yī liàng hóng sè xiǎo qì chē
他开了一辆 红色小汽车。

He drove a red car.

Xiǎo qì chē zài jiē shàng màn màn xíng shǐ
小汽车在街上 慢慢 行驶。

The car is driving slowly on the street.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽		
车	车	车	车	车	车	车					